

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 01 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con, nợ chung khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Hòa và bà Bùi Thị Cẩm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, trả nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1685/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Thùy N, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

*Bị đơn:* Anh Huỳnh Quang V, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt; đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và bản trình bày 22/12/2023 nguyên đơn chị Tô Thị Thùy N trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Quang V có đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp ngày 26/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ). Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ đó vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân. Chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung tên là Huỳnh Tô Yến N1 - sinh ngày 04/04/2013, Huỳnh Gia K – sinh ngày 02/01/2017, Huỳnh Tô Bảo T1 – sinh ngày 31/8/2021. Nếu vợ chồng ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Tô Bảo T1 và cháu Huỳnh Tô Yến N1, giao cho anh V nuôi cháu Huỳnh Gia K, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Hiện vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 78.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh; mục đích vay để sử dụng nuôi bò sinh sản. Nay, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng trả thì chị đồng ý vợ chồng cùng trả nợ cho Ngân hàng; chị và anh V mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Huỳnh Quang V trình bày:* Anh và chị Tô Thị Thùy N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ) vào ngày 26/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh cũng hay ghen tuông nên thường xuyên cãi vã; vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2023 đến nay. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn thương vợ, không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ; nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như nguyên đơn trình bày; hiện nay các con đang ở với anh; nếu vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu các con được ở cùng nhau và giao cho mẹ hoặc cha nuôi vì anh không muốn các con tách rời nhau; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ của Ngân hàng C số tiền vay gốc là 78.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, mục đích vay để nuôi bò sinh sản; ngoài ra vợ chồng còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần N3- Phòng G số tiền vay gốc là 800.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất tại xã P. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 1/2 nợ cho Ngân hàng.

*Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 03/11/2023 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04/01/2024 đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng C trình bày:*

Theo đề nghị ngày 04/5/2020 của Chủ tịch UBND phường P cho vay hộ cận nghèo; ngày 13/5/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C đã giải ngân cho chị Tô Thị Thùy N vay số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có mã số món vay là 6600000717688505 ngày 07/05/2020, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất vay: 7,92% /năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/5/2025. Chị N đã trả 4.000.000 đồng, còn nợ 46.000.000 đồng tiền vay gốc.

Theo đề nghị ngày 07/02/2022 của Chủ tịch UBND phường P cho vay hỗ trợ tạo việc làm; ngày 24/02/2022 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C đã giải ngân cho chị Tô Thị Thùy N vay số tiền 40.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000722193874/HĐ-TD ngày 21/02/2022, lãi suất vay: 7,92% /năm, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 24/02/2027. Chị N đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng tiền vay gốc.

Theo Giấy uỷ quyền ngày 01/4/2020 anh Huỳnh Quang V uỷ quyền cho chị Tô Thị Thùy N vay tiền và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C.

Ngân hàng C đã nhận thông báo của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đang giải quyết vụ án dân sự về việc “ly hôn” giữa chị Tô Thị Thùy N và anh Huỳnh Quang V. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ buộc chị Tô Thị Thùy N và anh Huỳnh Quang V trả cho Ngân hàng C số tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 04/01/2024 là 76.317.645 đồng (trong đó tiền vay gốc là 76.000.000 đồng; tiền lãi là 317.645 đồng) và anh V, chị N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 04/01/2024 theo mức lãi đã thỏa thuận đến khi trả xong nợ.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng,

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tô Thị Thùy N được ly hôn anh Huỳnh Quang V; Về con chung: Đề nghị giao cháu Huỳnh Tô Bảo T1 và cháu Trần Huỳnh Tô Yến N2 cho chị Tô Thị Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Huỳnh Gia K cho anh Huỳnh Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Về nợ chung: Đề nghị buộc chị N và anh V mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng C. Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:



[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Tô Thị Thùy N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Quang V ở phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hôn nhân: Chị Tô Thị Thùy N và anh Huỳnh Quang V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi; do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi vã và xô xát. Chị N và anh V sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, không còn quan tâm gì với nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tuy anh V không đồng ý ly hôn nhưng anh không có hướng khắc phục mâu thuẫn để thuyết phục chị N về sống đoàn tụ; mặc khác Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị N không tham gia, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị N và anh V đã trầm trọng. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Tô Thị Thùy N được ly hôn anh Huỳnh Quang V.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Tô Thị Thùy N và anh Huỳnh Quang V có 3 con chung tên là Huỳnh Tô Yến N2 - sinh ngày 04/04/2013, Huỳnh Gia K – sinh ngày 02/01/2017, Huỳnh Tô Bảo T1 – sinh ngày 31/8/2021 hiện các con đang ở với anh V; nếu vợ chồng ly hôn thì anh V yêu cầu giao cả 03 con cho mẹ hoặc cha nuôi dưỡng, giáo dục, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi; chị N yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Tô Bảo T1 và Huỳnh Tô Yến N2, giao cháu Huỳnh Gia K cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu của chị N, anh V về nuôi con chung khi ly hôn thấy rằng: Cháu N2 có nguyện vọng ở với mẹ, cháu K có nguyện vọng ở với cha. Hiện chị N không có nơi ở ổn định, anh V có nơi ở ổn định; tuy nhiên cháu T1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ là tốt hơn, cháu N2 và K đang có điều kiện chỗ ở và học ổn định; do đó nếu giao cả 3 cháu cho mẹ hoặc cha nuôi dưỡng, giáo dục sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu N2 và K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; buộc chị N phải cấp dưỡng cho con Huỳnh Tô Yến N2 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 05/01/2024.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung: Anh V, chị N thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 78.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh V, chị N đã trả tiếp 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Do đó tính đến hết ngày 04/01/2024 anh V, chị N còn nợ Ngân hàng C là 76.317.645 đồng (trong đó tiền vay gốc là 76.000.000 đồng; tiền lãi là: 317.645 đồng); mục đích vay để sử dụng nuôi bò sinh sản làm kinh tế gia đình. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng cùng trả thì anh V, chị N đồng ý cùng trả nợ cho Ngân hàng, mỗi người nhận trách nhiệm trả 1/2 số nợ cho Ngân hàng C. Do đó chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, buộc anh V và chị N mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 04/01/2024 là 158.822 đồng; anh V, chị N còn phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 04/01/2024 trên số dư nợ gốc của mỗi người phải trả theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có mã số món vay là 6600000717688505 ngày 07/05/2020 và Hợp đồng tín dụng số 6600000722193874/HĐ-TD ngày 21/02/2022 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần N3- Phòng G về khoản nợ 800.000.000 đồng anh V khai; tuy nhiên Ngân hàng không có phản hồi ý kiến khởi kiện yêu cầu anh V, chị N trả nợ nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Tô Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng cho con. Anh Huỳnh Quang V và chị Tô Thị Thùy N mỗi người phải chịu 1.907.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng C.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nợ chung là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; đối với đề nghị con chung có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 27, 37, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Tô Thị Thùy N được ly hôn anh Huỳnh Quang V.
2. Về con chung: Giao các con Huỳnh Tô Yến N2 - sinh ngày 04/04/2013 và Huỳnh Gia K – sinh ngày 02/01/2017 cho anh Huỳnh Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Huỳnh Tô Bảo T1 – sinh ngày 31/8/2021 cho chị Tô Thị Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; buộc chị Tô Thị Thùy N cấp dưỡng cho con Huỳnh Tô Yến N2 mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng) đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 05/01/2024 (hiện các con Huỳnh Tô Yến N2, Huỳnh Gia K và Huỳnh Tô Bảo T1 đang ở với anh V).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đối với con chung mà không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc anh Huỳnh Quang V phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 04/01/2024 là 158.822 đồng; buộc chị Tô Thị Thùy N phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 04/01/2024 là 158.823 đồng; anh V, chị N tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 04/01/2024 trên số dư nợ gốc của mỗi người phải trả theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/05/2020 và Hợp đồng tín dụng số 6600000722193874/HĐ-TD ngày 21/02/2022 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Chị Tô Thị Thùy N phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng cho con; được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001159 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; chị N còn phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Anh Huỳnh Quang V, chị Tô Thị Thùy N mỗi người phải chịu 1.907.000 đồng (*Một triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Trung**